

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 51

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
		bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Ông Đỗ Xuân Diện	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
		miễn nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Đức Quang	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2021
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 9 tháng 12 năm 2020
Ông Hoàng Hữu Đức	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2020
		miễn nhiệm ngày 9 tháng 12 năm 2020
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 9 tháng 12 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	bổ nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2021
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	miễn nhiệm ngày 18 tháng 3 năm 2021

Ông Nguyễn Hoàng Phi được ủy quyền để ký báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Thư Ủy quyền số 02/21/GUQ-TGD HAGL Agrico ngày 20 tháng 3 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng kỳ kế toán năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61280353/22012458

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 51, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1



Thái Trọng Cang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4139-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2020


Ngàn VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.820.918.764	5.400.395.101
110	I. Tiền	4	7.719.915	43.933.270
111	1. Tiền		7.719.915	43.933.270
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.678.532.010	5.258.057.445
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.534.949.190	927.025.562
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.291.579.744	1.961.222.599
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	27	1.528.275.548	543.718.680
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.335.435.321	1.841.538.878
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(11.707.793)	(15.448.274)
140	III. Hàng tồn kho	8	80.011.381	61.856.457
141	1. Hàng tồn kho		83.850.741	66.375.143
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.839.360)	(4.518.686)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		54.655.458	36.547.929
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		94.885	815.585
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	54.274.185	35.446.513
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	286.388	285.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.978.915.798	14.533.166.516
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.691.427.233	9.018.820.740
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	27	5.341.046.797	7.003.799.583
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	1.350.380.436	2.015.021.157
220	II. Tài sản cố định		66.589.123	51.751.813
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	61.107.456	51.751.813
222	Nguyên giá		77.225.276	61.670.300
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(16.117.820)	(9.918.487)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	5.481.667	-
228	Nguyên giá		5.980.000	-
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(498.333)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		5.624.967	18.547.792
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.624.967	18.547.792
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	9.209.077.973	5.438.496.853
251	1. Đầu tư vào các công ty con		9.625.832.393	5.701.201.820
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(705.353.666)	(551.304.213)
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.196.502	5.549.318
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		6.196.502	5.549.318
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		24.799.834.562	19.933.561.617

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		12.638.602.864	7.745.411.311
310	I. Nợ ngắn hạn		8.928.768.596	4.961.672.936
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	649.293.236	529.091.273
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	68.279.069	478.164.530
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	483.849	189.963
314	4. Phải trả người lao động		6.836.589	6.980.761
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	403.053.261	302.706.313
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.121.211.542	209.575.929
320	7. Vay ngắn hạn	18	6.679.611.050	3.434.964.167
330	II. Nợ dài hạn		3.709.834.268	2.783.738.375
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	15	185.916.164	237.837.713
337	2. Phải trả dài hạn khác	16	661.265.916	754.133.163
338	3. Vay dài hạn	18	2.862.652.188	1.791.767.499
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.161.231.698	12.188.150.306
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	12.161.231.698	12.188.150.306
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế		(94.434.252)	(67.515.644)
421a	- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(68.715.644)	1.108.104.220
421b	- Lỗ trong năm		(25.718.608)	(1.175.619.864)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		24.799.834.562	19.933.561.617


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập


Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	1.708.346.610	2.283.717.275
11	2. Giá vốn hàng bán	21, 25	(1.583.831.510)	(2.188.797.705)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		124.515.100	94.919.570
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	933.737.659	711.833.849
22	5. Chi phí tài chính	22	(997.807.585)	(1.743.604.513)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(788.585.645)	(633.907.437)
25	6. Chi phí bán hàng	23, 25	(110.384.849)	(252.800.057)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23, 25	(36.924.693)	(71.431.459)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(86.864.368)	(1.261.082.610)
31	9. Thu nhập khác	24	61.793.655	102.975.446
32	10. Chi phí khác	24	(647.895)	(17.494.704)
40	11. Lợi nhuận khác	24	61.145.760	85.480.742
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(25.718.608)	(1.175.601.868)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	(17.996)
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(25.718.608)	(1.175.619.864)

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Ngàn VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lỗ kế toán trước thuế		(25.718.608)	(1.175.601.868)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	6.735.212	10.450.881
03	Các khoản dự phòng		149.629.646	292.257.910
04	Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		52.471.942	(4.353.020)
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(907.820.550)	141.590.612
06	Chi phí lãi vay	22	788.585.645	633.907.437
08	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		63.883.287	(101.748.048)
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		210.594.593	(1.094.876.858)
10	Tăng hàng tồn kho		(17.475.598)	(40.622.490)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		251.106.101	(200.530.506)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		73.516	(2.435.045)
14	Tiền lãi vay đã trả		(232.184.283)	(693.029.425)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.1	-	(17.996)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		275.997.616	(2.133.260.368)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(7.148.694)	(19.399.933)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	1.758.593
23	Tiền chi cho vay		(838.444.494)	(602.347.281)
24	Tiền thu hồi cho vay		2.151.690.646	378.196.523
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(6.108.512.574)	(2.158.828.594)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty con		-	6.993.691.293
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	5.189.220
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay		539.514.802	24.092.741
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(4.262.900.314)	4.622.352.562

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	6.247.860.937	5.130.633.605
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(2.297.170.060)	(7.583.636.548)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		3.950.690.877	(2.453.002.943)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(36.211.821)	36.089.251
60	Tiền đầu năm		43.933.270	7.845.148
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.534)	(1.129)
70	Tiền cuối năm	4	7.719.915	43.933.270


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập


Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 31 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, bốn (4) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết. Chi tiết các công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh (“HAQM Lào”)	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH MTV Cao su Hoàng Anh Quang Minh (trước đây là Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh) (“HAQM Việt Nam”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk (“HA Đắk Lắk”)	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	99,96
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu (“HA Attapeu”)	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri (“HA Rattanakiri”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH Heng Brothers (“Heng Brothers”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav (“HA Oyadav”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(8) Công ty TNHH CRD (“CRD”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(9) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas (“HA Andong Meas”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(10) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai (“XNK HAGL”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(11) Công ty TNHH MTV Bò sữa Tây Nguyên (trước đây là Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên) (“Bò sữa Tây Nguyên”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(12) Công ty TNHH MTV Cao su Ban Mê (“Cao su Ban Mê”)*	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	99,96
(*) Vào ngày 13 tháng 2 năm 2020, HA Đắk Lắk, công ty con, đã hoàn tất mua 6.190.069 cổ phiếu, tương đương với 100% tỷ lệ sở hữu trong Cao su Ban Mê từ các cổ đông hiệu hữu. Theo đó, Cao su Ban Mê đã trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Chi nhánh hạch toán phụ thuộc

Tên công ty liên kết	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
(13) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa Quả	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 201 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 265).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 25.718.608 ngàn VND trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày này, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 94.434.252 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Công ty vượt tài sản ngắn hạn là 107.849.832 ngàn VND. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Công ty đã vi phạm điều khoản vay như được trình bày tại TM số 18.1 và 18.4 của báo cáo tài chính tổng hợp. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh điều khoản đã bị vi phạm của hợp đồng vay có liên quan. Hơn nữa, vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty cũng đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("THACO"), qua đó, THACO cam kết sẽ hỗ trợ Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ cho các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Công ty. Ngoài ra, vào ngày 1 tháng 6 năm 2019, Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng Bao tiêu Nông sản với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("THAGRICO", trước đây là Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến và Phân phối Nông nghiệp Thadi), qua đó, THAGRICO hỗ trợ mua và phân phối nông sản của Nhóm Công ty. Bên cạnh đó, như được trình bày tại TM số 30, vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường về kế hoạch hoán đổi nợ thành vốn và phát hành mới cổ phiếu cho THAGRICO để tái cơ cấu tài chính và bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.16 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	680.896	150.171
Tiền gửi ngân hàng	7.039.019	43.783.099
TỔNG CỘNG	7.719.915	43.933.270

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 27) (*)	3.397.246.666	679.101.562
Phải thu từ các bên thứ ba	137.702.524	247.924.000
- Ông Trần Trọng Hùng	24.688.845	24.752.046
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	24.541.653	50.342.466
- Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Zhengzhou	20.434.347	748.122
- Khách hàng khác	68.037.679	172.081.366
TỔNG CỘNG	3.534.949.190	927.025.562
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(11.707.793)	(15.448.274)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.523.241.397	911.577.288

(*) Số dư bao gồm khoản phải thu THAGRICO liên quan đến việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty Cổ phần An Đông Mía ("An Đông Mía") (TM số 12.1). Đến ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã nhận được tiền thanh toán đợt đầu theo tiến độ cam kết trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 27)	1.263.733.707	1.935.692.571
Trả trước cho bên thứ ba	27.846.037	25.530.028
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	12.919.700	4.067.500
- Khác	14.926.337	21.462.528
TỔNG CỘNG	1.291.579.744	1.961.222.599

7. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.335.435.321	1.841.538.878
Phải thu các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	1.776.073.056	1.445.930.010
Chi hộ	283.936.831	170.595.337
Phải thu lãi cho vay	240.163.718	94.706.716
Khác	35.261.716	130.306.815
Dài hạn	1.350.380.436	2.015.021.157
Phải thu lãi cho vay	1.221.688.650	1.856.864.651
Phải thu các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	128.691.786	158.156.506
TỔNG CỘNG	3.685.815.757	3.856.560.035
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 27)</i>	2.300.898.116	1.712.100.804
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 27)</i>	1.350.380.436	2.015.021.158
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	34.537.205	129.438.073

8. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	60.100.194	59.229.053
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.298.794	4.102.195
Công cụ, dụng cụ	1.373.796	2.053.298
Nguyên vật liệu	1.077.957	990.597
TỔNG CỘNG	83.850.741	66.375.143
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.839.360)	(4.518.686)
GIÁ TRỊ THUẦN	80.011.381	61.856.457

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.518.686	431.314
(Hoàn nhập)/dự phòng trích lập trong năm	(679.326)	4.087.372
Số cuối năm	3.839.360	4.518.686

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm	25.195.750	27.062.148	6.483.187	2.929.215	61.670.300
Mua mới	-	480.793	137.865	39.500	658.158
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang hoàn thành	15.464.118	-	-	-	15.464.118
Thanh lý	-	(567.300)	-	-	(567.300)
Số cuối năm	<u>40.659.868</u>	<u>26.975.641</u>	<u>6.621.052</u>	<u>2.968.715</u>	<u>77.225.276</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	-	2.542.158	281.274	2.823.432
Khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	2.472.377	2.756.135	4.254.915	435.060	9.918.487
Khấu hao trong năm	2.294.877	2.747.271	659.218	535.513	6.236.879
Thanh lý	-	(37.546)	-	-	(37.546)
Số cuối năm	<u>4.767.254</u>	<u>5.465.860</u>	<u>4.914.133</u>	<u>970.573</u>	<u>16.117.820</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>22.723.373</u>	<u>24.306.013</u>	<u>2.228.272</u>	<u>2.494.155</u>	<u>51.751.813</u>
Số cuối năm	<u>35.892.614</u>	<u>21.509.781</u>	<u>1.706.919</u>	<u>1.998.142</u>	<u>61.107.456</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Chương trình phần mềm</i>	
Nguyên giá		
Số đầu năm		-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành		4.380.000
Mua mới		1.600.000
		<u>5.980.000</u>
Số cuối năm		<u>5.980.000</u>
Hao mòn lũy kế		
Số đầu năm		-
Hao mòn trong năm		498.333
		<u>498.333</u>
Số cuối năm		<u>498.333</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		-
Số cuối năm		<u>5.481.667</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng kho đông lạnh	5.624.967	14.167.792
Chi phí phần mềm	-	4.380.000
	<u>5.624.967</u>	<u>18.547.792</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.624.967</u>	<u>18.547.792</u>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào các công ty con (TM số 12.1)	9.625.832.393	5.701.201.820
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 12.2)	286.004.636	286.004.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 12.3)	2.594.610	2.594.610
	<u>9.914.431.639</u>	<u>5.989.801.066</u>
TỔNG CỘNG	<u>9.914.431.639</u>	<u>5.989.801.066</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(705.353.666)	(551.304.213)
	<u>9.209.077.973</u>	<u>5.438.496.853</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>9.209.077.973</u>	<u>5.438.496.853</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con trực tiếp như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
HAQM Việt Nam (i)	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	3.365.986.867	-	97,77	440.512.398	-
HA Attapeu	Trồng cây công, nông nghiệp và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
HAQM Lào (ii)	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	1.081.159.132	-	-	-	-
HA Đắk Lắk (iii)	Trồng cây công, nông nghiệp	99,96	1.024.313.155	(178.158.008)	99,53	394.313.155	(80.077.772)
HA Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.987.719	-	100,00	943.987.719	-
Bò sữa Tây Nguyên (iv)	Trồng cây nông nghiệp	100,00	621.090.049	(427.195.658)	99,00	615.584.549	(371.226.441)
HA Oyadav (v)	Trồng cây công nghiệp	100,00	388.265.911	-	100,00	222.893.439	-
XNK HAGL	Thương mại	100,00	100.000.000	(100.000.000)	100,00	100.000.000	(100.000.000)
Công ty Cổ phần An Đông Mía ("An Đông Mía") (vi)	Trồng cây công nghiệp	-	-	-	99,90	882.881.000	-
TỔNG CỘNG			9.625.832.393	(705.353.666)		5.701.201.820	(551.304.213)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 10 tháng 10 năm 2020, Công ty đã mua thêm toàn bộ 292.100.000 cổ phiếu được phát hành mới từ HAQM Việt Nam, công ty con trong Nhóm Công ty với giá trị là 2.921.000.000 ngàn VND. Vào ngày 15 tháng 12 năm 2020, Công ty đã mua thêm 447.000 cổ phiếu của HAQM Việt Nam được sở hữu bởi các cổ đông không kiểm soát với giá trị 4.474.470 ngàn VND. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong HAQM Việt Nam từ 99,78% lên 100% tại ngày này.
- (ii) Vào ngày 22 tháng 9 năm 2020, Công ty đã mua toàn bộ 100% phần vốn góp của HAQM Lào với giá trị là 1.081.159.132 ngàn VND từ HAQM Việt Nam. Theo đó, tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong HAQM Lào là 100% tại ngày này.
- (iii) Vào ngày 5 tháng 2 năm 2020 và 10 tháng 10 năm 2020, Công ty đã mua thêm toàn bộ 63.000.000 cổ phiếu được phát hành mới từ với giá trị là 630.000.000 ngàn VND từ HA Đắc Lắc. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong HA Đắc Lắc từ 99,53% lên 99,96%.
- (iv) Vào ngày 15 tháng 12 năm 2020, Công ty đã mua thêm 550.000 cổ phiếu của Bò sữa Tây Nguyên được sở hữu bởi các cổ đông không kiểm soát với giá trị là 5.500.000 ngàn VND. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong Bò sữa Tây Nguyên từ 99,00% lên 100% tại ngày này.
- (v) Vào ngày 25 tháng 12 năm 2020, Công ty đã tăng thêm giá trị đầu tư vào HA Oyadav bằng cách góp thêm vốn với số tiền là 165.372.472 ngàn VND.
- (vi) Vào ngày 10 tháng 10 năm 2020, Công ty đã mua thêm toàn bộ 130.000.000 cổ phiếu được phát hành mới từ An Đông Mía với giá trị là 1.300.000.000 ngàn VND. Vào ngày 15 tháng 12 năm 2020, Công ty đã mua thêm 200.000 cổ phiếu của An Đông Mía được sở hữu bởi các cổ đông không kiểm soát với số tiền là 1.001.000 ngàn VND. Theo đó, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu trong An Đông Mía từ 99,00% lên 100% tại ngày này.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong An Đông Mía cho THAGRICO, theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 24 tháng 12 năm 2020, với tổng giá trị chuyển nhượng là 2.350.000.000 ngàn VND. Giao dịch chuyển nhượng này đã được thông qua bởi Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2212/20/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 21 tháng 12 năm 2020. SKHĐT tỉnh Gia Lai cũng đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh cho An Đông Mía lần thứ 8 vào ngày 30 tháng 12 năm 2020. Theo đó, số tiền lãi 166.118.000 ngàn VND từ việc thanh lý này được ghi nhận doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp (TM số 20.2).

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	<u>2.594.610</u>	15,00	<u>2.594.610</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 27)	578.819.180	447.126.156
Phải trả cho các bên thứ ba	70.474.056	81.965.117
- Công ty TNHH Trường Thịnh	4.980.945	10.716.416
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	4.181.776	-
- Khác	<u>61.311.335</u>	<u>71.248.701</u>
TỔNG CỘNG	<u>649.293.236</u>	<u>529.091.273</u>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ứng trước của các bên liên quan (TM số 27)	44.310.775	446.006.630
Nhận ứng trước của các bên thứ ba	23.968.294	32.157.900
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thành Long	10.788.250	27.500.000
- Khác	<u>13.180.044</u>	<u>4.657.900</u>
TỔNG CỘNG	<u>68.279.069</u>	<u>478.164.530</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	403.053.261	302.706.313
Chi phí lãi vay	226.894.569	98.001.828
Chi phí hoạt động	152.450.400	152.450.400
Khác	23.708.292	52.254.085
Dài hạn	185.916.164	237.837.713
Chi phí lãi vay	185.916.164	237.837.713
TỔNG CỘNG	588.969.425	540.544.026
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	148.927.488	32.338.512
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	-	4.633.007
<i>Phải trả các bên khác</i>	440.041.937	503.572.507

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.121.211.542	209.575.929
Phải trả các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	987.958.066	190.938.404
Thu hộ	78.333.840	-
Mượn tiền	12.075.567	11.823.581
Phải trả khác	42.844.069	6.813.944
Dài hạn	661.265.916	754.133.163
Phải trả các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	424.907.998	754.133.163
Mượn tiền	236.357.918	-
TỔNG CỘNG	1.782.477.458	963.709.092
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	1.078.367.473	202.761.985
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	424.907.998	754.133.163
<i>Phải trả các bên khác</i>	279.201.987	6.813.944

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	35.446.513	36.244.888	(17.417.216)	54.274.185
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 26)	285.831	-	-	285.831
Thuế khác	-	3.631.821	(3.631.264)	557
TỔNG CỘNG	35.732.344	39.876.709	(21.048.480)	54.560.573
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	189.963	1.618.317	(1.324.431)	483.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn	6.679.611.050	3.434.964.167
Vay ngắn hạn các bên liên quan (TM số 18.1)	5.158.215.316	2.824.672.082
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 18.2)	1.200.749.776	599.732.981
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (TM số 18.3)	196.846.419	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 18.4)	123.799.539	10.559.104
Dài hạn	2.862.652.188	1.791.767.499
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 18.5)	2.001.191.815	805.260.834
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 18.4)	861.460.373	986.506.665
TỔNG CỘNG	<u>9.542.263.238</u>	<u>5.226.731.666</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Ngàn VND Tổng cộng
Số đầu năm	3.434.964.167	1.791.767.499	5.226.731.666
Tiền thu từ đi vay	2.482.769.079	3.770.252.263	6.253.021.342
Tiền trả nợ gốc vay	(2.247.170.060)	(50.000.000)	(2.297.170.060)
Cần trừ công nợ	1.436.706.403	(1.072.624.869)	364.081.534
Vay dài hạn đến hạn trả	3.414.303.006	(3.414.303.006)	-
Tái cấu trúc nợ vay	(1.841.722.000)	1.841.722.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu	-	(5.160.405)	(5.160.405)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	2.006.824	2.006.824
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(239.545)	(1.008.118)	(1.247.663)
Số cuối năm	<u>6.679.611.050</u>	<u>2.862.652.188</u>	<u>9.542.263.238</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)

Chi tiết vay ngắn hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
THAGRICO, công ty có cùng thành viên HĐQT					
Khoản vay ngày 1 tháng 6 năm 2020	2.185.877.212	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2021 đến ngày 29 tháng 11 năm 2021	10,50	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 30 tháng 11 năm 2020	1.918.905.885	Ngày 29 tháng 11 năm 2021	10,50	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 1 tháng 6 năm 2020	563.000.000	Ngày 31 tháng 5 năm 2021	10,50	Đầu tư trồng mới 7.000 ha chuối tại Lào và Campuchia	Tín chấp
Khoản vay ngày 23 tháng 11 năm 2020	309.354.000	Ngày 5 tháng 3 năm 2021	7,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 30 tháng 11 năm 2020	98.042.763	Ngày 29 tháng 11 năm 2021	10,50	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay ngày 30 tháng 11 năm 2020	<u>47.550.000</u>	Ngày 10 tháng 2 năm 2021	7,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
	<u>5.122.729.860</u>				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"), công ty mẹ					
Khoản vay ngày 19 tháng 7 năm 2019 (*)	<u>35.485.456</u>	Ngày 19 tháng 7 năm 2020	10,00	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>5.158.215.316</u>				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty chưa thanh toán khoản vay đến hạn theo lịch thanh toán trên với tổng số tiền là 35.485.456 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank"), Chi nhánh Đồng Nai (*)	600.951.992	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2021 đến ngày 23 tháng 12 năm 2021	10,00	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh	203.780.455 cổ phiếu HNG sở hữu bởi HAG, toàn bộ quyền đòi nợ, nguồn thu phát sinh trong tương lai từ các hợp đồng bán hàng với giá trị không thấp hơn 1.000 tỷ VND; toàn bộ vốn góp của Công ty trong An Đông Mía
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank"), Chi nhánh Hà Nội	599.797.784	Từ ngày 13 tháng 1 năm 2021 đến ngày 28 tháng 9 năm 2021	Lãi suất kỳ hạn 3 tháng tại TPBank cộng biên độ 3,20%/năm (2020: 10,50%/năm)	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây (chuối, thanh long) và mủ cao su	Tài sản của Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia) đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tô nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185 diện tích 925 ha và 453,7 ha đất trồng trái cây tại Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng và 32.829.686 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG.
TỔNG CỘNG	<u>1.200.749.776</u>				

(*) Như được trình bày tại TM số 12.1, vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong An Đông Mía cho THAGRICO. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty và THAGRICO đang trong quá trình làm hồ sơ chuyển đổi tài sản thế chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.3 Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả

Chi tiết trái phiếu thường vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Trái chủ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	Cá nhân	200.000.000	Ngày 4 tháng 12 năm 2021	9,50	Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Công ty	Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và quyền khai thác vườn trái cây diện tích 498,28 ha tại Xã Ia Băng, Huyện Chư Prông, Xã Ia Pếch, Huyện Ia Grai, Làng A, Xã Gào, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Bò sữa Tây Nguyên.
Chi phí phát hành trái phiếu		<u>(3.153.581)</u>				
TỔNG CỘNG		<u>196.846.419</u>				
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả</i>		196.846.419				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.4 Vay dài hạn ngân hàng

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Ngàn VND Mục đích vay</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	722.805.307	734.611.164	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Campuchia.
TỔNG CỘNG	<u>985.259.912</u>	<u>997.065.769</u>	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	861.460.373	986.506.665	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	123.799.539	10.559.104	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
BIDV, Chi nhánh Gia Lai					
Khoản vay ngày 1 tháng 4 năm 2010	722.805.307	31.168.836	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của BIDV bằng USD hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70%/năm (2020: 7,20-8,50)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu.
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn (*)					
Khoản vay ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	-	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2021 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của Sacombank hạn 13 tháng lãi trả sau + 2,00%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (2020: 9,80-9,90)	23,2 triệu cổ phiếu HAG sở hữu bởi Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và 14,5 triệu cổ phần của HAQM Việt Nam thuộc sở hữu của HNG.
TỔNG CỘNG	985.259.912				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn	861.460.373				
Vay dài hạn đến hạn trả	123.799.539				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, diện tích trồng cây cao su thực tế tại các công ty con của Công ty là 2.429 ha đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 9.000 ha. Ngoài ra, Nhóm công ty chưa mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo theo như cam kết trong Hợp đồng Tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.5 Vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
HAG, công ty mẹ				
Khoản vay ngày 1 tháng 2 năm 2020	1.995.823.500	Ngày 1 tháng 2 năm 2023	10,50	Tín chấp
Khoản vay ngày 1 tháng 8 năm 2020	5.368.315	Ngày 1 tháng 8 năm 2022	12,50	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>2.001.191.815</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	8.868.438.950	1.064.550.810	105.576.190	1.109.665.220	11.148.231.170
Hoán đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông	2.217.100.000	105.576.190	(105.576.190)	-	2.217.100.000
Chia thù lao cho HĐQT, BKS và Ban thư ký HĐQT	-	-	-	(1.561.000)	(1.561.000)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(1.175.619.864)	(1.175.619.864)
Số cuối năm	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>-</u>	<u>(67.515.644)</u>	<u>12.188.150.306</u>
Năm nay					
Số đầu năm	11.085.538.950	1.170.127.000	-	(67.515.644)	12.188.150.306
Chia thù lao cho HĐQT, BKS và Ban thư ký HĐQT	-	-	-	(1.200.000)	(1.200.000)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(25.718.608)	(25.718.608)
Số cuối năm	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>-</u>	<u>(94.434.252)</u>	<u>12.161.231.698</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu bán trái cây	663.493.857	1.170.911.859
Doanh thu bán hàng hóa	659.498.691	810.887.146
Doanh thu cung cấp dịch vụ	240.411.149	3.724.499
Doanh thu bán mũ cao su	144.942.913	296.830.244
Doanh thu bán ớt	-	1.363.527
TỔNG CỘNG	1.708.346.610	2.283.717.275
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i>	<i>884.305.747</i>	<i>1.546.948.265</i>
<i>Doanh thu thuần với các bên khác</i>	<i>824.040.863</i>	<i>736.769.010</i>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi tiền cho vay	725.952.571	696.992.261
Lãi từ thanh lý công ty con (TM số 12.1)	166.118.000	-
Lãi chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	25.917.109	-
Cổ tức	15.686.735	10.457.823
Lãi tiền gửi ngân hàng	63.244	110.956
Khác	-	4.272.809
TỔNG CỘNG	933.737.659	711.833.849
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>	<i>892.070.571</i>	<i>705.568.314</i>
<i>Doanh thu với các bên khác</i>	<i>41.667.088</i>	<i>6.265.535</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i>
Giá vốn trái cây đã bán	655.292.558	1.145.321.801
Giá vốn hàng hóa	645.312.147	747.185.295
Giá vốn cung cấp dịch vụ	141.737.745	4.705.180
Giá vốn mủ cao su đã bán	141.489.060	290.547.509
Giá vốn ớt	-	1.037.920
TỔNG CỘNG	<u>1.583.831.510</u>	<u>2.188.797.705</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	788.585.645	633.907.437
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	163.363.453	272.722.264
Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào các công ty con	-	836.687.075
Khác	45.858.487	287.737
TỔNG CỘNG	<u>997.807.585</u>	<u>1.743.604.513</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	110.384.849	252.800.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.906.752	241.452.432
Chi phí nhân viên	10.711.352	11.333.126
Khác	3.766.745	14.499
Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.924.693	71.431.459
Chi phí nhân viên	24.552.498	23.727.950
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng phải thu khó đòi	(2.159.964)	15.448.274
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.538.039	5.010.106
Khác	12.994.120	27.245.129
TỔNG CỘNG	<u>147.309.542</u>	<u>324.231.516</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Thu nhập khác	61.793.655	102.975.446
Nhận hỗ trợ tài chính	61.207.461	-
Hoàn nhập trích trước chi phí thuế theo Nghị định 20	-	102.388.641
Khác	586.194	586.805
Chi phí khác	(647.895)	(17.494.704)
Các khoản phạt	(575.460)	(2.279.883)
Khác	(72.435)	(15.214.821)
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>61.145.760</u>	<u>85.480.742</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	1.577.096.298	2.188.797.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.422.342	268.697.561
Chi phí nhân công	35.263.850	35.061.076
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (TM số 9 và 10)	6.735.212	10.450.881
Chi phí khác	5.623.350	10.021.998
TỔNG CỘNG	<u>1.731.141.052</u>	<u>2.513.029.221</u>

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Năm nay</i>	<i>VND Năm trước</i>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	<u>-</u>	<u>17.996</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lỗ kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và thu nhập chịu thuế:

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Lỗ kế toán trước thuế	(25.718.608)	(1.175.601.868)
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chênh lệch giữa lãi suất thực tế và lãi suất danh nghĩa liên quan đến phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	63.634.964
Chi phí không được trừ	82.794.729	38.693.315
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP (*)	49.493.900	-
Thu nhập cổ tức	(15.686.735)	(10.457.823)
Thay đổi chi phí phải trả	-	(102.388.641)
Điều chỉnh khác	-	(5.513.933)
Lợi nhuận chịu thuế/(lỗ tính thuế) thuần điều chỉnh trước khi chuyển lỗ	90.883.286	(1.191.633.986)
Lỗ mang sang từ các năm trước	(90.883.286)	-
Điều chỉnh chi phí thuế trích thiếu những năm trước	-	17.996
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	17.996
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	(17.996)
Thuế TNDN trả trước cuối năm	(285.831)	(285.831)

(*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 thay thế Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 do Chính phủ ban hành về quy định mức tỷ lệ lãi vay được khấu trừ.

26.2 Lỗ tính thuế

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lỗ tính thuế của năm hiện tại. Lỗ tính thuế của Công ty khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.308.720.866 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.399.604.152 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Không được chuyển lỗ	Ngàn VND	
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	
2015	2020	10.097.285 (*)	(10.097.285)	-	-	-
2016	2021	191.649.115 (*)	(87.191.564)	-	104.457.551	-
2018	2023	11.091.234 (*)	-	-	11.091.234	-
2019	2024	1.193.172.081 (*)	-	-	1.193.172.081	-
TỔNG CỘNG		1.406.009.715	(97.288.849)	-	1.308.720.866	-

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 1.308.720.866 ngàn VND do không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

			Ngàn VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	3.105.781.212	-
		Chuyển nhượng công ty con	2.350.000.000	6.993.691.293
		Cần trừ công nợ	1.984.700.086	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	206.553.273	72.225.810
		Lãi vay	191.978.202	-
		Bán hàng hóa	122.808.781	808.659.349
		Thu hộ	78.333.840	-
THACO	Cổ đông lớn	Vay	1.591.618.877	2.588.289.459
		Trả gốc vay	1.375.438.452	1.631.696.000
		Lãi vay	173.725.451	94.567.711
HAG	Công ty mẹ	Cho mượn	711.152.864	80.404.642
		Lãi vay	217.249.953	200.398.547
		Vay và mượn	154.101.500	1.242.148.420
		Bán hàng hóa	11.577.560	40.900.991
		Trả gốc vay	-	2.663.331.840
		Mua hàng hóa và vật tư	-	29.775.964
An Đông Mía	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay, mượn	491.430.611	361.900.372
		Lãi cho vay	12.591.388	4.947.979
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	443.784.509	9.263.955
		Lãi cho vay	43.726.310	31.203.388
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.837.787	21.044.678
		Mua hàng hóa	9.494.230	21.685.778
		Chi hộ	6.037.200	500.029.652
HA Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	377.064.729	300.970.113
		Lãi cho vay	356.767.570	326.865.676
		Mua hàng hóa	291.230.292	340.736.999
		Cho vay, mượn	87.046.764	330.390.239
		Chi hộ	44.114.737	126.747.893
HA Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	309.000.120	385.998.939
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	118.930.349	90.458.345
		Lãi cho vay	21.514.397	27.401.490
		Chi hộ	13.094.640	-
		Cho vay	5.609.814	151.974.002
HA Lumphat	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	106.151.385	64.307.595
		Mua hàng hóa	94.211.448	123.570.560
		Cho vay	1.196.603	9.294.800
		Lãi cho vay	560.362	700.548
		Chi hộ	-	6.733.153

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Bà Kiều Ngọc Hoa	Cổ đông	Vay Lãi vay	98.000.000 3.423.631	130.000.000 -
HA Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Lãi cho vay Mua hàng hóa Cho vay Chi hộ	93.383.141 88.289.498 8.704.581 500.278 175.307	- 89.379.240 9.072.819 - 4.424.136
HA Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	91.622.756	91.068.747
XNK HAGL	Công ty con	Mua hàng hóa Mua nhiên liệu, dịch vụ	45.098.294 7.066.968	16.039.844 16.787.583
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa Lãi cho vay Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Cho vay Chi hộ	43.788.645 38.750.543 13.343.840 1.434.453 18.532.800	91.681.689 20.032.127 21.108.431 13.709.147 2.720.767
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai ("Gỗ HAGL")	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	41.233.785 975.000 -	- 583.348 1.588.619
HAQM Việt Nam	Công ty con	Cho vay, mượn Lãi cho vay	31.686.350 71.168.694	628.164.138 70.978.210
HA Đắc Lắc	Công ty con	Mua hàng hóa Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Lãi cho vay Chi hộ Cho vay	29.483.032 10.930.047 961.054 505.440 -	34.657.540 15.559.300 11.756.006 - 2.377.421
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Công ty liên kết	Cổ tức	15.686.735	10.457.823
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai Trường Hải ("Đường bộ Chu Lai")	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.807.295	24.683.368
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên ("Cao su Trung Nguyên")	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi phí lãi vay Bán hàng hóa Lãi cho vay Mua hàng hóa Cho vay	8.052.634 - - - -	- 18.051.258 16.822.508 9.678.137 8.874.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	2.651.272	13.365.245
Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me")	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi vay	2.349.805	-
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh ("Nông nghiệp Daun Penh")	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	834.305	25.551.800
		Bán hàng hóa	-	128.789.572
		Mua hàng hóa	-	223.598.114
		Chi hộ	-	40.696.022
		Lãi cho vay	-	2.148.652
Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	134.609.220
		Cho vay	-	39.130.439
		Bán hàng hóa	-	35.384.265
		Lãi cho vay	-	1.357.991
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương ("Cao su Đông Dương")	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay, mượn	-	97.257.724
		Lãi cho vay	-	447.929
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chu Lai - Trường Hải ("Cơ khí Chu Lai")	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	34.845.917
Công ty TNHH MTV Sản xuất Máy Nông nghiệp Thaco (Máy Nông Nghiệp Thaco")	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	21.006.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)</i>				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chuyển nhượng công ty con	2.350.000.000	-
		Bán hàng hóa	280.542.963	-
HA Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	633.101.360	345.984.130
HA Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa	93.181.868	-
HAQM Lào	Công ty con	Bán hàng hóa	29.770.527	16.569.731
HAG	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	5.777.094	22.887.524
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai ("Chăn Nuôi Gia Lai")	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	2.695.102	-
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	1.300.000	-
HA Andong Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	437.909	102.189.249
Chi nhánh Cơ Khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	250.964	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	186.299	186.305
XNK HAGL	Công ty con	Bán hàng hóa	2.580	-
Nông Nghiệp Daun Penh	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	-	79.031.577
HA Lumphat	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	-	64.315.732
Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	18.707.431
HA Đắc Lắc	Công ty con	Bán hàng hóa	-	14.735.425
Cao su Trung Nguyên	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	-	8.965.806
Công ty TNHH Eastern (Campuchia) ("Eastern")	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	-	4.948.622
Gỗ HAGL	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	-	580.030
TỔNG CỘNG			<u>3.397.246.666</u>	<u>679.101.562</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				<i>Ngàn VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)</i>					
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	562.744.354	510.484.660	
HA Đắk Lắk	Công ty con	Mua hàng hóa	251.335.334	86.888.838	
HA Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	249.896.170	480.182.096	
XNK HAGL	Công ty con	Mua hàng hóa	184.291.125	-	
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Mua hàng hóa	1.003.673	51.704.303	
HA Andong Meas	Công ty con	Mua hàng hóa	8.629.747	54.285.631	
Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	5.434.295	5.434.295	
HA Lumphat	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	399.009	694.383.989	
Cao su Trung Nguyên	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	28.257.752	
Heng Brothers	Công ty con	Mua hàng hóa	-	20.719.486	
Eastern	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	3.351.521	
TỔNG CỘNG			<u>1.263.733.707</u>	<u>1.935.692.571</u>	
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)</i>					
HA Attapeu	Công ty con	Cho vay	858.792.408	351.399.356	
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	234.617.379	13.709.147	
An Đông Mía	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho vay	154.759.773	-	
HA Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	149.684.000	-	
HA Oyadav	Công ty con	Cho vay	86.253.000	-	
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	28.530.000	9.263.955	
HAQM Việt Nam	Công ty con	Cho vay	15.638.988	-	
HA Andong Meas	Công ty con	Cho vay	-	151.974.002	
HA Lumphat	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cho vay	-	9.294.800	
HA Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	-	8.077.420	
TỔNG CỘNG			<u>1.528.275.548</u>	<u>543.718.680</u>	

(*) Cho vay ngắn hạn bên liên quan thể hiện khoản cho vay tín chấp với thời hạn hoàn trả đến hết tháng 12 năm 2021 và với lãi suất trung bình từ 8,00% đến 12,00%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			<i>Ngàn VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 7)				
HA Attapeu	Công ty con	Cần trừ công nợ	1.256.929.644	650.642.869
		Chi hộ	242.725.319	150.845.204
		Lãi cho vay	175.851.926	58.734.405
HA Andong Meas	Công ty con	Cần trừ công nợ	487.108.443	76.445.328
		Chi hộ	13.094.640	-
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	47.169.708	20.447.336
		Chi hộ	18.941.715	3.468.231
		Cần trừ công nợ	-	9.884.628
HA Lumphat	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	32.014.721	25.244.379
		Chi hộ	-	9.537.776
		Lãi cho vay	-	414.192
HA Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	8.633.173	2.122.671
		Chi hộ	539.227	4.424.136
		Cần trừ công nợ	20.249	15.192.236
HA Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	3.404.950	2.494.078
		Chi hộ	43.711	47.736
An Đông Mía	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	2.747.095	-
HAQM Việt Nam	Công ty con	Lãi cho vay	2.184.513	-
		Cần trừ công nợ	-	603.251.372
CRD	Công ty con	Chi hộ	1.930.415	2.182.352
HAG	Công ty mẹ	Cho mượn	680.800	680.800
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	172.352	7.505.153
		Chi hộ	6.037.200	-
Đại Thắng	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	132.314	132.313
Heng Brothers	Công ty con	Chi hộ	30.561	-
HA Đắc Lắc	Công ty con	Cần trừ công nợ	-	65.269.198
		Lãi cho vay	-	2.988.881
		Chi hộ	505.440	5.325
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi hộ	-	140.205
TỔNG CỘNG			<u>2.300.898.116</u>	<u>1.712.100.804</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				<i>Ngàn VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (*)</i>					
HA Attapeu	Công ty con	Cho vay	3.122.303.026	3.626.284.434	
HA Oyadav	Công ty con	Cho vay	762.449.593	848.702.593	
HA Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	656.224.354	805.908.354	
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	415.254.509	389.563.000	
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	384.815.315	234.617.379	
HAQM Việt Nam	Công ty con	Cho vay	-	735.649.043	
HA Andong Meas	Công ty con	Cho vay	-	201.590.298	
HA Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	-	120.383.980	
An Đông Mía	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho vay	-	41.100.502	
TỔNG CỘNG			<u>5.341.046.797</u>	<u>7.003.799.583</u>	
<i>Phải thu dài hạn khác (TM số 7)</i>					
HA Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	1.134.016.590	896.056.291	
HAQM Lào	Công ty con	Cán trừ công nợ	128.691.786	158.156.506	
		Lãi cho vay	15.057.513	3.029.342	
HAQM Việt Nam	Công ty con	Lãi cho vay	30.700.993	413.033.795	
HA Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	19.625.906	340.592.126	
HA Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	13.442.166	169.310.117	
An Đông Mía	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	5.142.322	5.029.534	
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	3.703.160	4.191.897	
HA Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	-	25.621.550	
TỔNG CỘNG			<u>1.350.380.436</u>	<u>2.015.021.158</u>	

(*) Cho vay dài hạn các bên liên quan thể hiện các khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2022 đến tháng 12 năm 2026 và với lãi suất trung bình từ 7,20% đến 12,00%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 13)				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và vật tư	288.482.220	186.130.214
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Quốc tế Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	100.834.613	-
Gỗ HAGL	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	78.846.438	29.388
Công ty TNHH Thương Mại Đầu tư Phát triển Do Holdings	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	28.686.188	-
Chi nhánh Chế Biến Hoa Quả - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	26.283.627	-
Chi nhánh Cơ khí - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	14.657.067	-
HA Oyadav	Công ty con	Mua hàng hóa	12.794.233	9.043.648
Chi nhánh Nguyên Vật Liệu - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	10.747.148	-
Cơ Khí Chu Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua vật tư	10.202.681	18.284.792
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua tài sản	1.994.000	1.994.000
CRD	Công ty con	Mua hàng hóa	1.715.132	-
Chi nhánh Khách sạn - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.354.368	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 13) (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	1.303.322	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Dược - Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua dịch vụ	755.993	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất linh kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua vật tư	130.560	186.340
XNK HAGL	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	4.594.071
Chăn Nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	31.590	-
Nông nghiệp Daun Penh	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua trái cây	-	91.845.863
Công ty TNHH Bình Phước Kratie Rubber 2	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua trái cây	-	73.677.590
HAG	Công ty mẹ	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	42.820.770
Đường bộ Chu Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	12.439.480
Máy Nông Nghiệp Thaco	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và vật tư	-	6.080.000
TỔNG CỘNG			578.819.180	447.126.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 14)					
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Tạm ứng mua hàng hóa	44.310.775	407.868.003	
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Tạm ứng mua hàng hóa	-	38.138.627	
TỔNG CỘNG			44.310.775	446.006.630	
Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 15)					
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay	148.927.488	-	
HAG	Công ty mẹ	Lãi vay	-	27.165.722	
THACO	Cổ đông lớn	Lãi vay	-	5.172.790	
TỔNG CỘNG			148.927.488	32.338.512	
Chi phí phải trả dài hạn (TM số 15)					
THACO	Cổ đông lớn	Lãi vay	-	4.633.007	
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 16)					
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cán trừ công nợ Thu hộ	636.242.848 78.333.840	- -	
HA Rattanakiri	Công ty con	Cán trừ công nợ	223.317.140	-	
HA Andong Meas	Công ty con	Cán trừ công nợ	97.748.420	170.578.561	
HA Attapeu	Công ty con	Cán trừ công nợ	12.897.295	-	
Lê Me	Bên liên quan	Mượn tiền	12.075.567	11.685.000	
Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cán trừ công nợ	9.647.776	-	
HAQM Lào	Công ty con	Cán trừ công nợ	6.004.587	-	
HAG	Công ty mẹ	Cán trừ công nợ	2.100.000	-	
XNK HAGL	Công ty con	Cán trừ công nợ	-	20.359.843	
Cao su Đông Dương	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn tiền	-	138.581	
TỔNG CỘNG			1.078.367.473	202.761.985	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả dài hạn khác (TM số 16)				
HA Oyadav	Công ty con	Cần trừ công nợ	275.660.734	-
HAQM Lào	Công ty con	Cần trừ công nợ	90.012.570	-
Heng Brothers	Công ty con	Cần trừ công nợ	37.235.308	-
HAG	Công ty mẹ	Cần trừ công nợ	21.999.386	-
XNK HAGL	Công ty con	Cần trừ công nợ	-	754.133.163
TỔNG CỘNG			424.907.998	754.133.163
Vay ngắn hạn (TM số 18.1)				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay ngắn hạn	5.122.729.860	897.464.626
HAG	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	35.485.456	1.877.207.456
Bà Kiều Ngọc Hoa	Cổ đông	Vay ngắn hạn	-	50.000.000
TỔNG CỘNG			5.158.215.316	2.824.672.082
Vay dài hạn (TM số 18.6)				
HAG	Công ty mẹ	Vay dài hạn	2.001.191.815	-
THACO	Cổ đông lớn	Vay dài hạn	-	805.260.834
TỔNG CỘNG			2.001.191.815	805.260.834

Giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Ngàn VND			
Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	156.000	156.000
Ông Đỗ Xuân Diệm	Phó chủ tịch	144.000	96.000
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên/Tổng Giám đốc cho đến ngày 18 tháng 3 năm 2021	1.704.000	1.836.000
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	120.000	120.000
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	120.000	120.000
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/Tổng Giám đốc từ ngày 18 tháng 3 năm 2021	60.000	440.000
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên/Phó Tổng Giám Đốc	60.000	-
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	60.000	120.000

(*) bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc như sau:
(tiếp theo)

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
VND			
Ban Kiểm soát			
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban	48.000	-
Ông Nguyễn Đức Quang	Trưởng ban	48.000	96.000
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên	316.000	336.000
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	72.000	72.000
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	36.000	72.000
TỔNG CỘNG		2.944.000	3.464.000

28. CAM KẾT QUAN TRỌNG

Cam kết bảo lãnh:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty dùng 4.999.000 cổ phiếu của HAQM Việt Nam, công ty con, để đảm bảo cho khoản vay của THAGRICO tại Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn.

Cam kết khác:

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường HAGL có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt nam;
- Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường HAGL; và
- Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tổ tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường HAGL trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và vào ngày báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan thuế địa phương để xác định khoản nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh (nếu có) liên quan đến chuyển nhượng Nhóm Công ty Mía đường nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. ĐẠI DỊCH COVID 19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính tổng hợp này.


30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

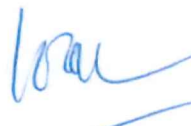
Vào ngày 6 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 0601/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc chuyển nhượng thêm các công ty con của Công ty bao gồm HAQM Lào, Bò sữa Tây Nguyên và HA Đắc Lắc cho THAGRICO. Vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty đã ký các hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp với THAGRICO và đang trong quá trình các thủ tục pháp lý để hoàn tất chuyển nhượng nói trên.

Thêm vào đó, vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 0801/21/NQHĐCĐ-HAGL Agrico chấp thuận kế hoạch chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ thành vốn và bổ sung vốn hoạt động kinh doanh. Theo đó, Công ty sẽ chào bán dự kiến 741.446.105 cổ phiếu để hoán đổi nợ thành vốn và 191.446.105 cổ phiếu thu bằng tiền để bổ sung vốn hoạt động. Tại ngày của báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ cho nghiệp vụ trên.

Đồng thời, vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 0801/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc bổ nhiệm Ông Trần Bá Dương làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay cho Ông Đoàn Nguyên Đức. Theo đó, kể từ ngày này, Công ty không còn là công ty con của HAG.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp của Nhóm Công ty.


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập


Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021